

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thúy, bà Ngô Thị Thời.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 261/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐ-HPT ngày 14/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị Hoài G**, sinh năm 1984; ĐKKHKT: Khu 2 phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Hiện cư trú tại: Tổ 1, ngõ 60, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1985; ĐKKHKT và hiện cư trú tại: Số 94 C, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chị G, anh T đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị của nguyên đơn chị Vũ Thị Hoài G, thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T được tự do tìm hiểu khoảng 4 tháng thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố H ngày 30/11/2011. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa anh, chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Khoảng cuối năm 2019, chị đã làm thủ tục xin ly hôn

anh T, sau đó chị đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, tuy nhiên sau khi chị rút đơn về tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Chị đã về gia đình nhà bố mẹ đẻ ở tổ 1 ngõ 60, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng ở từ năm 2020, vợ chồng ly thân từ đó đến nay mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn. Do vậy chị giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để hai bên sớm ổn định cuộc sống; Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Phạm Quý K, sinh ngày 31/5/2012, cháu Phạm Thị I, sinh ngày 29/10/2018, Phạm Thị L, sinh ngày 05/10/2020. Sau khi ly thân các cháu đều ở cùng chị. Chị ở nhà bố mẹ đẻ có nhà cửa khang trang rộng rãi. Bố mẹ đẻ chị đều đã nghỉ hưu, có lương hưu ổn định, sức khỏe tốt có thể hỗ trợ chị trong việc chăm sóc các cháu. Chị làm tại Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc phát triển đầu tư Tân Việt thu nhập khoảng 20 triệu đồng/tháng. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định cho các cháu chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả 3 con. Từ khi ly thân anh T vẫn cấp dưỡng cho các con 6 triệu/tháng do vậy khi ly hôn chị tự thỏa thuận với anh T về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị không đề nghị Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đưa ra quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị G.

Lời khai người thân hai bên gia đình chị G, anh T, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, thể hiện: chị G, anh T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định, quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Người thân gia đình chị G, anh T xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống bất đồng, không có sự tin tưởng nhau và nhiều yếu tố khách quan. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay mỗi người ở một nơi. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị G, người thân gia đình anh T, chính quyền địa phương đề nghị hòa giải để vợ chồng đoàn tụ trường hợp chị G kiên quyết ly hôn thì đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Người thân gia đình chị G xác định hai bên gia đình đã hòa giải cho anh chị nhiều lần nhưng không thành nên tôn trọng quyết định của chị G, anh T; Về con chung, người thân gia đình chị G đề nghị giao cả ba cháu cho chị G nuôi dưỡng, ông bà sẽ hỗ trợ chăm sóc và phụ giúp về kinh tế. Người thân gia đình anh T mong được nuôi cháu K để chị G đỡ vất vả.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu K thể hiện cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ cháu ly hôn.

Xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện không có thông tin xuất nhập cảnh của anh Phạm Văn T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị G, xử cho chị Vũ Thị Hoài G ly hôn anh Phạm Văn T; Về con chung: Đề nghị giao cháu Phạm Quý K, sinh ngày 31/5/2012, cháu Phạm Thị I, sinh ngày 29/10/2018, Phạm Thị L, sinh ngày 05/10/2020 cho chị Vũ Thị Hoài G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị G không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp. Chị G đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Phạm Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại phường N, thành phố H. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Chị G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị G, anh T là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị G, anh T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị G, anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tin tưởng, thương yêu nhau. Vợ chồng đã ly thân từ 2020 đến nay mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh T. Xác minh tại chính quyền địa phương, người thân hai bên gia đình chị G, anh T thể hiện quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn của anh, chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đưa ra quan điểm về việc giải quyết vụ án. Tòa án tổ chức phiên hòa giải nhưng anh T cũng không đến Tòa án làm việc thể hiện anh T không thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ thực sự. Mặc dù người thân gia đình, chính quyền địa phương đều mong anh chị đoàn tụ nhưng bản thân chị G không còn tình cảm vợ chồng với anh T, anh T cũng không đưa ra biện pháp cải thiện tình trạng vợ chồng

hiện nay. Hội đồng xét xử xét thấy chị G, anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị G ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Vợ chồng có 03 con chung là Phạm Quý K, sinh ngày 31/5/2012, cháu Phạm Thị I, sinh ngày 29/10/2018, Phạm Thị L, sinh ngày 05/10/2020. Chị G có nguyện vọng nuôi cả ba con và tự thỏa thuận vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đưa ra quan điểm về vấn đề con chung, bà T1 (mẹ đẻ anh T) có nguyện vọng nuôi cháu K để chị G đỡ vất vả. Hội đồng xét xử nhận thấy việc nuôi dưỡng chăm sóc con là nghĩa vụ, trách nhiệm của cha mẹ. Sau khi ly thân, các cháu đều về Hải Phòng ở cùng chị G tại nhà bố mẹ đẻ chị G, ông bà cũng tạo điều kiện về thời gian cũng như kinh tế để hỗ trợ chị G chăm sóc các cháu. Chị G có thu nhập ổn định khoảng 20.000.000đ/tháng. Anh T và gia đình anh T đều có trách nhiệm với các cháu. Cháu K có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ cháu ly hôn. Cháu L và cháu I đều còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ cháu. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định cho các cháu cần tiếp tục giao cháu Phạm Quý K, cháu Phạm Thị I và cháu Phạm Thị L cho chị G tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên:* Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không đưa ra quan điểm về vấn đề này do vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí:* Chị G xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Hoài G.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Hoài G ly hôn anh Phạm Văn T.

- Về nuôi con chung: Xử giao cháu Phạm Quý K, sinh ngày 31/5/2012, cháu Phạm Thị I, sinh ngày 29/10/2018, Phạm Thị L, sinh ngày 05/10/2020 cho chị Vũ Thị Hoài G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Vũ Thị Hoài G không yêu cầu giải quyết

về vấn đề cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Phạm Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về án phí: Buộc chị Vũ Thị Hoài G phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0000125 ngày 10/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị G đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Hoài G, Anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường N, TP Hải Dương để lưu hồ tịch (ĐKKH: 30/11/2011);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan